

## QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ LY HÔN Ở VIỆT NAM TRƯỚC VÀ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

TRẦN NGUYỆT MINH THƯ\*

*Tóm tắt:* Gia đình Việt Nam từ truyền thống tới hiện đại luôn được xem là cơ sở, nền tảng quan trọng cho sự ổn định, phát triển của mỗi cá nhân, nhóm và xã hội. Theo xu thế chung của quá trình hội nhập và phát triển, gia đình Việt Nam đã và đang trải qua những biến đổi trên nhiều chiều cạnh, liên quan tới tính cố kết và mức độ bền vững, bao gồm cả việc phải đối mặt với diễn biến phức tạp hơn của tình trạng bạo lực, mâu thuẫn, ly thân, ly hôn. Bài viết là kết quả của quá trình nghiên cứu chính sách và tổng quan tài liệu, rà soát, tìm hiểu và phân tích thông tin, những quy định pháp luật về ly hôn ở Việt Nam thời kỳ trước và trong thời kỳ Đổi mới, hướng tới Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 theo Quyết định số 629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

*Từ khóa:* gia đình, hôn nhân, ly hôn, Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nhận bài: 02/4/2019

Gửi phản biện: 19/4/2019

Duyệt đăng: 23/5/2019

### 1. Đặt vấn đề

Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án (Điều 3, Luật Hôn nhân và Gia đình, 2014), là căn cứ chấm dứt quan hệ hôn nhân do pháp luật quy định (Bành Quốc Tuấn và Nguyễn Thu Thủy, 2014). Không hoàn toàn giống như một tiến trình ra quyết định thông thường, trong nhiều trường hợp, quyết định ly hôn có thể được đưa ra rất nhanh chóng bởi những nguyên nhân được cho là khó tha thứ. Thời gian giải quyết một vụ án ly hôn có thể kéo dài khi các đương sự không thỏa thuận được về việc phân chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con v.v... (Trần Văn Trường, 2017). Ly hôn luôn là vấn đề xã hội phức tạp bởi đa dạng những nguyên nhân, hệ lụy, liên quan trực tiếp tới tình cảm, nghĩa vụ và quyền lợi, không chỉ với người trong cuộc mà còn tới nhiều thành viên khác trong mạng lưới các mối quan hệ gia đình, xã hội. Cũng vì thế, ly hôn là nội dung quan trọng trong nghiên cứu gia đình, hướng tới việc góp phần nâng cao chất lượng sống cho mỗi cá nhân, xây dựng hôn nhân bền vững, gia đình ấm no, hạnh phúc.

Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29 tháng 05 năm 2012 đã khẳng định: Xây dựng gia

\* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc là một trong các mục tiêu quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2020, đồng thời cũng là trách nhiệm của mọi gia đình trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo đó các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể cũng đã được nêu ra, phấn đấu đến năm 2015 đạt 90% và đến năm 2020 đạt 95% trở lên nam nữ thanh niên, hộ gia đình được trang bị kiến thức cơ bản về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập, hàm ý hạn chế những tác động không mong muốn của ly hôn.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu và phân tích tài liệu, xác định mục tiêu nghiên cứu vấn đề ly hôn trong xã hội Việt Nam, theo hướng tiếp cận nghiên cứu xã hội và tìm hiểu pháp luật. Quá trình hội nhập mở ra những điều kiện, cơ hội thuận lợi cho việc học hỏi kỹ năng tổ chức cuộc sống hiện đại, song cũng tiềm ẩn không ít thách thức của nguy cơ xung đột các giá trị đạo đức, lối sống truyền thống, xuất hiện tình trạng lỏng lẻo trong mối quan hệ gia đình (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự, 2007). Những thay đổi về hôn nhân, gia đình và ly hôn được cho là có quan hệ chặt chẽ với quá trình hiện đại hóa (Trần Thị Minh Thi, 2018). Trong xã hội Việt Nam hiện đại, gia đình đang phải đối mặt với diễn biến phức tạp hơn của tình trạng bạo lực, mâu thuẫn, chung sống rồi tách cặp (Phan Thị Luyện, 2016). Gắn với việc xác định những điều kiện cho phép chấm dứt quan hệ hôn nhân, Luật Hôn nhân và Gia đình (HN&GD) cùng các văn bản pháp luật liên quan có một vai trò đặc biệt quan trọng, qua đó đảm bảo và bảo vệ quyền con người, lợi ích gia đình, gìn giữ những giá trị xã hội. Hướng tới Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 theo Quyết định số 629/QĐ-TTg, trong thời gian tới, bên cạnh việc hỗ trợ cũng cần tìm kiếm những giải pháp can thiệp nhằm giảm thiểu rủi ro, góp phần xây dựng hôn nhân bền vững và hạnh phúc.

## **2. Quy định pháp luật về ly hôn thời kỳ trước Đổi mới**

### ***Những năm 1945 trở về trước***

Cổ luật Việt Nam đã có sự hiện diện của chế định về ly hôn. Xã hội phong kiến thừa nhận sự bất bình đẳng, bảo vệ quyền gia trưởng của người đàn ông, số phận người phụ nữ phụ thuộc nhiều vào ý chí người chồng cũng như gia đình chồng, quyền phụ nữ nói chung và quyền ly hôn của phụ nữ nói riêng cũng vì thế ít được ghi nhận và bảo vệ. Những bộ luật tiêu biểu ra đời từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 19 bao gồm: Hình thư (1042), Quốc triều Hình luật (1341), Luật Hồng Đức (1428), Luật Gia Long (1815) (Nguyễn Thị Thu Vân, 2005).

Bộ Luật Hồng Đức (Quốc triều Hình luật; Lê triều Hình luật), ra đời vào giữa thế kỷ 15, là bộ luật có nhiều nội dung tiến bộ, nhân văn sâu sắc, đi trước thời đại. Điểm tiến bộ nổi bật nhất được các nhà nghiên cứu đề cập đến chính là sự quan tâm tới địa vị và quyền lợi của người phụ nữ, cho họ một sự bình đẳng tương đối với đàn ông trong xã hội và người chồng trong gia đình (Hoàng Thị Kim Quế, 2012; Phạm Thị Hồng Đào, 2017).

### ***Hiến pháp Việt Nam năm 1946 và hai Sắc lệnh về HN&GD năm 1950***

Cho tới thời điểm hiện nay, Việt Nam đã có 5 bản Hiến pháp, đó là Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013. Hiến pháp đầu tiên năm 1946 được xây dựng trên cơ sở

ba nguyên tắc: đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, trai, gái, giai cấp, tôn giáo; bảo đảm các quyền lợi dân chủ; thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân (Bùi Ngọc Thanh, 2012). Đây là bản Hiến văn ghi nhận thành quả cách mạng Tháng Tám năm 1945, khẳng định sự bình đẳng về quyền lợi của mọi công dân Việt Nam (Điều 7, 8, 9), qua đó có thể hiểu rằng chế độ hôn nhân gia đình phong kiến đã bị xóa bỏ, thay thế vào đó là chế độ hôn nhân gia đình mới, dân chủ, tiến bộ.

Năm 1950, Nhà nước ban hành hai Sắc lệnh đầu tiên, quy định về HN&GD, đó là: Sắc lệnh 97/SL sửa đổi một số quy lệ và chế định, cải cách quyền dân sự do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 22 tháng 5 năm 1950; Sắc lệnh 159/SL quy định về vấn đề ly hôn, được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 17 tháng 11 năm 1950. Trước khi có Luật HN&GD năm 1959, trong khoảng thời gian 10 năm kể từ 1950, Việt Nam đã duy trì hai Sắc lệnh này, tạo nên một sự thay đổi lớn so với chế độ HN&GD phong kiến, đặt nền móng cho sự hoàn thiện hệ thống pháp luật HN&GD nói chung, chế định ly hôn nói riêng, tạo sự thống nhất trong quy định ly hôn trên toàn quốc.

Sắc lệnh 97/SL gồm 15 điều, trong đó có nhiều nội dung quy định về HN&GD, xóa bỏ tính chất phong kiến, quyền gia trưởng cũ. Sắc lệnh 97/SL khẳng định “*Những quyền dân sự đều được luật bảo vệ khi người ta hành sự nó đúng với quyền lợi của nhân dân*” (Điều 1); quy định “*Người con đã thành niên không bắt buộc phải có cha mẹ bằng lòng mới kết hôn được*” (Điều 2); cho phép “*Người đàn bà ly dị có thể lấy chồng khác ngay sau khi có án tuyên ly dị, nếu dân chứng rằng mình không có thai hoặc đương có thai*” (Điều 4); Chồng và vợ có địa vị bình đẳng trong gia đình và người đàn bà có chồng có toàn bộ năng lực về mặt hộ (Điều 5&6).

Sắc lệnh 159/SL gồm 9 điều, được chia thành 3 mục: duyên có ly hôn, thủ tục ly hôn và hiệu lực của việc ly hôn. Sắc lệnh đã công nhận quyền tự do giá thú và tự do ly hôn, xóa bỏ sự phân biệt bất bình đẳng về các duyên có ly hôn chung cho cả vợ và chồng: *Vợ chồng có thể xin thuận tình ly hôn* (Điều 3). Tòa án có thể cho phép vợ hoặc chồng ly hôn trong những trường hợp: ngoại tình; một bên can án phát giam; một bên mắc bệnh điên hoặc bệnh khó chữa khỏi; một bên bỏ nhà đi quá hai năm không có duyên có chính đáng; vợ chồng tính tình không được hoặc đối xử với nhau đến nỗi không thể sống chung (Điều 2).

### ***Hiến pháp Việt Nam và Luật HN&GD năm 1959***

Năm 1959 ghi nhận bước phát triển vượt bậc trong công tác lập pháp của Việt Nam với sự ra đời của bản Hiến pháp thứ hai. Hiến pháp Việt Nam năm 1959 thực sự là một cương lĩnh, thể hiện rõ ý chí kiên định đối với cuộc đấu tranh, vì một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Hiến pháp năm 1959 đã đặt cơ sở cho việc thi đua xây dựng và phát triển chế độ XHCN ở miền Bắc, khuyến khích đồng bào miền Nam đấu tranh bền bỉ dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam (Văn Thị Thanh Hương, 2014). So với bản Hiến pháp năm 1946, *Chương II. Chế độ kinh tế và xã hội* là một chương mới; *Chương III. Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân* gồm 21 điều, đã quy định cụ thể hơn về quyền công dân trên các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh

tế, văn hóa, xã hội. Hiến pháp tiếp tục khẳng định quyền bình đẳng của mọi công dân (Điều 22 đến 24), làm cơ sở cho sự ra đời của Luật HN&GD. Quyền con người trong Hiến pháp qua các thời kỳ được cụ thể hóa trong Luật HN&GD.

Trong năm 1959, Việt Nam ban hành luật HN&GD lần đầu tiên, chính thức thực thi từ tháng 1 năm 1960. Là một trong những đạo luật được ban hành sớm nhất, luật HN&GD năm 1959 ra đời đánh dấu một bước phát triển, tiến bộ vượt bậc trong công tác lập pháp của Việt Nam (Nguyễn Khắc Cường, 2013). Luật thể hiện rõ những tiến bộ trong nhìn nhận và đánh giá xã hội về vấn đề hôn nhân, gia đình và ly hôn, góp phần quan trọng trong việc xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu của xã hội cũ như: chế độ gia trưởng, quyền uy tuyệt đối của người chồng và sự lệ thuộc của phụ nữ; tư tưởng trọng nam khinh nữ, hôn nhân mang tính cưỡng ép với quan niệm cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, chế độ đa thê v.v..

Luật HN&GD năm 1959 công nhận quyền tự do kết hôn và ly hôn. Nội hàm khái niệm ly hôn tuy chưa được xác định rõ, song đã có những quy định khá cụ thể trong Chương V, từ Điều 25 đến 33. Theo đó, tòa án là cơ quan nhà nước duy nhất có quyền giải quyết ly hôn, sự bất bình đẳng về duyên cớ ly hôn được xóa bỏ. Luật công nhận việc thuận tình ly hôn khi hai bên vợ chồng cùng tự nguyện. Khi một bên vợ hoặc chồng xin ly hôn, theo quy định, cơ quan có thẩm quyền sẽ điều tra và hoà giải trước khi quyết định cho ly hôn. Luật bảo vệ quyền lợi người phụ nữ trong xã hội thời bấy giờ, đó là những quyền lợi trong thời gian mang thai, quyền lợi về tài sản, quy định quyền của vợ chồng ngang nhau trong chăm sóc và nuôi dạy con. Thời kỳ đầu, Luật chỉ được áp dụng ở miền Bắc.

Sau gần 30 năm thực hiện, cùng với những biến đổi trong xã hội, Luật HN&GD năm 1959 đã dần bộc lộ những bất cập, nhiều quy định trong Luật không còn phù hợp với tình hình mới. Việt Nam giai đoạn 10 năm trước Đổi mới, tuy tình hình kinh tế, chính trị, xã hội đã thay đổi rất nhiều so với trước, mặc dù đã nhìn thấy những vấn đề bất cập của pháp luật HN&GD năm 1959 và việc cần ban hành luật HN&GD mới, song trong khoảng 10 năm sau giải phóng, từ năm 1975 đến 1985, quan hệ HN&GD, bao gồm cả vấn đề ly hôn trong xã hội Việt Nam vẫn được điều chỉnh bởi Luật HN&GD năm 1959.

### ***Hiến pháp Việt Nam năm 1980***

Những năm 1975 đến 1985, quá trình phát triển KT-XH sau khi thống nhất hai miền Nam-Bắc, những bất cập của pháp luật HN&GD năm 1959, bao gồm cả vấn đề ly hôn xuất hiện ngày càng nhiều. Năm 1980, bản Hiến pháp thứ ba ra đời với một số quy định về nguyên tắc xây dựng chế độ HN&GD. Hiến pháp năm 1980 đánh dấu bước ngoặt lớn trong lịch sử lập pháp, quy định đầy đủ và chặt chẽ quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật (Điều 55); quy định quyền bình đẳng giữa nam và nữ, theo đó phụ nữ và nam giới có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; khẳng định gia đình là tế bào của xã hội (Điều 63); khẳng định việc Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình (Điều 64).

### 3. Quy định pháp luật về ly hôn từ Đổi mới đến nay

#### *Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986*

Luật HN&GD năm 1986 được ban hành thay thế cho luật HN&GD năm 1959, ghi nhận nhiều quy định tiến bộ, góp phần xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu và tàn tích của chế độ HN&GD phong kiến (Nguyễn Khắc Cường, 2013). Luật HN&GD năm 1986 đã phản ánh thực tiễn gia đình và xã hội Việt Nam trước Đổi mới, trên cơ sở kế thừa các nguyên tắc dân chủ, tiến bộ đã được cụ thể hóa trong Sắc lệnh số 97/SL; kế thừa có chọn lọc của Luật HN&GD năm 1959, xoá bỏ hoàn toàn chế độ hôn nhân phong kiến, tư sản, thay vào đó là chế độ hôn nhân tự do, tiến bộ. Luật gồm 10 chương, 57 điều, với 5 nguyên tắc: Hôn nhân tiến bộ, tự nguyện; Hôn nhân một vợ, một chồng; Vợ chồng bình đẳng, bảo vệ quyền lợi của cha mẹ và con cái; Bảo vệ bà mẹ và trẻ em; Quy định cụ thể rõ ràng hơn về vấn đề ly hôn. Nội dung và những quy định về ly hôn được đề cập cụ thể trong Chương VII của Luật, căn cứ ly hôn được quy định tại Điều 40.

Gắn với quá trình phát triển cũng như những đặc điểm KT-XH, có thể nói Luật HN&GD trong mỗi thời kỳ chính là sự phản ánh những thay đổi quan trọng về hôn nhân, gia đình và ly hôn, qua đó đánh dấu những bước phát triển mới. Luật HN&GD năm 1986 phản ánh thực tiễn xã hội của gần 30 năm qua kể từ năm 1959, cho thấy những thay đổi có tính bước ngoặt. Vấn đề ly hôn thời kỳ này nhấn mạnh hơn tới quyền tự do của các bên đương sự. Luật đề cao sự tự nguyện và thỏa thuận, toà án nhân dân sẽ là nơi xét xử trên cơ sở pháp luật. Thủ tục hòa giải được coi là thủ tục pháp lý bắt buộc, là một chế định quan trọng nhằm giúp các bên giải quyết mâu thuẫn, tiết kiệm thời gian và kinh phí, góp phần giảm bớt giai đoạn tố tụng kéo dài, kể cả với trường hợp tự nguyện ly hôn. Phân chia tài sản khi ly hôn được thực hiện trên cơ sở những quy định chung, bước đầu dựa trên thỏa thuận và được toà án công nhận. Về việc trông nom con chưa thành niên, vợ chồng đã ly hôn vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, bình đẳng trong việc nuôi dạy con, nhưng phải xuất phát từ việc bảo vệ quyền lợi của con về mọi mặt, khác với quy định cũ chỉ căn cứ trên cơ sở vợ chồng thỏa thuận để giải quyết.

#### *Hiến pháp Việt Nam năm 1992 và Luật HN&GD năm 2000*

Năm 1992, Quốc hội quyết định sửa đổi Hiến pháp năm 1980 để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Hiến pháp năm 1992 tiếp tục khẳng định việc công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình (Điều 63); Nhà nước bảo hộ HN&GD theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng (Điều 64). Song tại thời điểm năm 1992, khái niệm ly hôn vẫn chưa được nhắc tới trong nội dung Hiến pháp.

Năm 2000, việc ra đời của Luật HN&GD đã phản ánh quá trình phát triển KT-XH cũng như những thay đổi về gia đình, thay thế Luật năm 1986. Luật khẳng định việc tiếp tục bảo vệ chế độ HN&GD, cấm tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; cấm kết hôn giả tạo, lừa dối để kết hôn, ly hôn; cấm cưỡng ép ly hôn, ly hôn giả tạo; cấm yêu sách của cải trong việc cưới hỏi (Điều 4). Luật xác định rõ ly hôn là một trong những vấn đề thuộc quy định của pháp luật, liên quan tới chế độ HN&GD (Điều 8);

là sự chấm dứt quan hệ hôn nhân do Toà án công nhận hoặc quyết định theo yêu cầu của vợ hoặc của chồng hoặc cả hai vợ chồng, và cưỡng ép ly hôn là hành vi buộc người khác phải ly hôn trái với nguyện vọng của họ (Điều 8). Khi đã được toà xét xử cho ly hôn, vợ chồng muốn kết hôn lại với nhau phải đăng ký kết hôn (Điều 11).

Luật HN&GD năm 2000 thể hiện nhiều thay đổi liên quan tới vấn đề ly hôn trong đời sống xã hội. Theo đó, Luật chú trọng hơn tới yếu tố cá nhân và quyền con người, tới yếu tố gia đình trong bối cảnh gia đình ngày càng có xu hướng chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang hạt nhân hóa. Luật cũng quy định chi tiết hơn về các điều kiện ly hôn, việc phân chia tài sản, quyền chăm sóc con cái, ly hôn có yếu tố nước ngoài và nhiều vấn đề xã hội khác. Chương 10 của Luật là những quy định liên quan tới vấn đề ly hôn, khẳng định việc vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn; trong trường hợp vợ có thai hoặc đang nuôi con dưới mười hai tháng tuổi thì chồng không có quyền yêu cầu xin ly hôn (Điều 85). Luật đảm bảo cho cả nam và nữ quyền được ly hôn; đảm bảo sự bình đẳng trong việc chia tài sản chung, quyền sử dụng đất và chia nhà ở. Để đảm bảo công bằng và hợp lý khi chia tài sản, Điều 95 Luật HN&GD năm 2000 quy định những nguyên tắc chia tài sản khi vợ chồng ly hôn, cụ thể đối với tài sản riêng và tài sản chung. Đối với việc nuôi con, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng (khoản 1, Điều 92); vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nếu con đủ 9 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, con dưới 3 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi nếu các bên không có thoả thuận khác (khoản 2, Điều 92).

Nếu xem luật như sự phản ánh thực tiễn cuộc sống thì có thể thấy trong giai đoạn khoảng 15 năm đến trước năm 2000, gia đình Việt Nam đã thay đổi nhanh chóng, những vấn đề trong nội bộ gia đình cũng trở nên ngày càng phức tạp hơn. Luật đã có thêm phần giải thích từ ngữ ở mục 8, đưa ra định nghĩa cho một số khái niệm để xác định rõ nội hàm và thống nhất cách hiểu trong xã hội. Sự mở rộng nội hàm khái niệm gia đình cũng làm cho tính cố kết trong quan hệ hôn nhân, quan hệ giữa các thành viên dường như thiếu chặt chẽ và nhiều sắc thái hơn, mô hình gia đình hạt nhân trở nên phổ biến, xuất hiện những mô hình gia đình mới.

Biến đổi xã hội đã làm cho đời sống gia đình có xu hướng mở rộng phạm vi và mức độ mâu thuẫn, tác động nhiều chiều tới cuộc hôn nhân. Đó có thể là những mâu thuẫn về lợi ích, về quyền lực và vai trò xã hội, mâu thuẫn thế hệ từ những mối quan hệ trong gia đình và họ hàng (Trần Thị Kim Xuyên, 2001; Mai Huy Bích, 2005). Cuộc sống lao động của con người, việc giáo dục, hoạt động vui chơi giải trí chủ yếu diễn ra ngoài gia đình cũng khiến cho vai trò của gia đình trở nên kém quan trọng hơn. Ly hôn được nhìn nhận khoan dung hơn, nhiều hành vi lệch khỏi chuẩn mực truyền thống cũng dần được chấp nhận như: có con ngoài giá thú, phụ nữ không chồng có con, chung sống không kết hôn, quan hệ tình dục trước hôn nhân v.v... (Lê Ngọc Văn và cộng sự, 2016). Tính chất phức tạp của những mối quan hệ gia đình, vấn đề ly hôn cũng ngày càng thể hiện rõ trong đời sống xã hội, đặc biệt khi sự thiếu hụt về kinh tế lại song hành với những tổn thất về tình cảm.

### **Hiến pháp Việt Nam năm 2013 và Luật HN&GD năm 2014**

Năm 2013, trong bản Hiến pháp mới, khái niệm “Ly hôn” đã được đề cập tới tại Điều 36 khoản 1 với nội dung: “*Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em*”. Điều 58 quy định Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em. Nhà nước, xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc (Điều 60). Thời kỳ này đánh dấu sự chuyển mình sâu sắc của pháp luật điều chỉnh vấn đề HN&GD nói chung và ly hôn nói riêng. Trong vòng 14 năm, Quốc hội ban hành hai đạo luật thay thế nhau, Luật HN&GD năm 2000 và 2014, cho thấy sự thay đổi lớn đối với việc nhận thức về các vấn đề HN&GD, trong đó có ly hôn. Quyền con người ngày càng được đề cao phù hợp với xu thế chung.

Trên cơ sở Hiến pháp, Việt Nam đã bốn lần ban hành Luật HN&GD (1959, 1986, 2000, 2014) với khoảng cách của những thời điểm ban hành Luật là 27 năm, 14 năm và 14 năm. Số Điều quy định trong mục ly hôn đã tăng dần theo từng năm, hoặc những nội dung của từng điều được cụ thể hóa hơn và tích hợp nhiều dần, phản ánh sự biến đổi xã hội theo thời gian và tính chất phức tạp hơn của vấn đề. Tới năm 2014, những quy định về ly hôn trong Luật đã có số điều khoản nhiều gấp đôi năm 1959, qua đó góp phần giải quyết ngày càng tốt hơn những tồn tại, bất cập trong chế định ly hôn, đảm bảo hơn quyền lợi cho các bên.

Luật HN&GD năm 2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015 đã kế thừa và phát huy trên cơ sở Luật HN&GD năm 2000, bám sát và cụ thể hóa những nội dung cơ bản về HN&GD trong Hiến pháp năm 2013, đảm bảo tôn trọng quyền con người, bình đẳng giới, bảo vệ những người yếu thế trong quan hệ HN&GD. Luật đã tạo ra cơ chế pháp lý hiệu quả trong việc điều chỉnh các quan hệ HN&GD vốn có nhiều đặc thù so với các quan hệ dân sự khác, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của đời sống xã hội và đất nước. Luật HN&GD 2014 đã quy định những nguyên tắc cơ bản của chế độ HN&GD, khẳng định “*Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng*” (Khoản 1, Điều 2). Có thể hiểu hôn nhân tự nguyện bao hàm cả hai khía cạnh là sự đảm bảo quyền tự do kết hôn và ly hôn nếu cuộc hôn nhân không hạnh phúc.

Về quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, Luật HN&GD năm 2014 đã được mở rộng hơn so với Luật năm 2000. Điều 51 khẳng định việc vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thay vì trước đây chỉ vợ, chồng hoặc cả hai vợ chồng mới có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Khoản 2, Điều 51 cũng chỉ rõ: Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ. Như vậy cha, mẹ, người thân thích của một trong hai bên vợ chồng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một trong hai bên vợ chồng là người bị tâm thần hoặc mắc bệnh khác, không làm chủ

được hành vi, là nạn nhân của bạo lực gia đình, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần.

Đối với vấn đề hòa giải và căn cứ ly hôn, Luật HN&GD năm 2014 đã có những quy định rất cụ thể, tránh được ý chí chủ quan, bao gồm cả những quy định trong việc hòa giải ở cơ sở. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại tòa án không thành, tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ, làm cho đời sống chung không thể kéo dài. Vấn đề hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng được quy định tại khoản 3 Điều 51: Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Luật HN&GD năm 2014 còn quy định cụ thể thời điểm chấm dứt quan hệ hôn nhân là ngày Bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật (Điều 57) và trách nhiệm của Tòa án phải gửi bản án, quyết định ly hôn đã có hiệu lực pháp luật tới các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn, Luật HN&GD năm 2014 đã hạ độ tuổi phải xem xét nguyện vọng của con khi Tòa án giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, trong trường hợp vợ, chồng không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Tuổi của con được hạ từ 9 tuổi xuống 7 tuổi. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên, nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con (Điều 84). Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi (Điều 82&83).

Đóng góp kinh tế và vấn đề phân chia tài sản, nhìn chung các vụ kiện về HN&GD là không đơn giản. Giải quyết về ly hôn đã phức tạp song giải quyết hậu quả để lại càng phức tạp hơn, bởi sự liên quan tới quyền lợi thiết thân của các bên đương sự. Luật HN&GD năm 1959 không quy định về việc chia đôi tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, nhưng có quy định về việc cấm đòi trả của; việc chia tài sản sẽ căn cứ vào sự đóng góp về công sức của mỗi bên, vào tình hình tài sản và tình trạng cụ thể của gia đình. Từ năm 1986, Luật HN&GD đã bổ sung thêm những quy định về nội dung này, khẳng định vai trò của tòa án nếu hai bên không thỏa thuận được. Luật HN&GD năm 2014 khẳng định nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng đã đưa vào sử dụng chung thì khi ly hôn vẫn thuộc sở hữu riêng. Vấn đề sở hữu tài sản chung và riêng cho thấy gia đình ngày càng đề cao yếu tố cá nhân và xu hướng cá nhân hóa.

Đóng góp kinh tế vào thu nhập gia đình được cho là ảnh hưởng quan trọng đến quyết định ly hôn. Nếu người vợ, đặc biệt là người chồng, không thể đóng góp kinh tế như mong đợi cho gia đình trong một thời gian dài, xung đột có thể xuất hiện dẫn đến ly hôn. Nguy cơ ly hôn cao thường thuộc về những cặp vợ chồng không tự chủ kinh tế. Trong mỗi gia đình, vai trò của cá nhân ngày càng được đề cao, địa vị hôn nhân có những thay đổi đáng kể, các quan hệ giới dần trở nên bình đẳng hơn giữa nam và nữ đối với mọi hoạt động (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự, 2007). Theo một số nhà nghiên cứu, sự độc lập về kinh tế, sự đảm bảo về trình độ giáo dục và nghề nghiệp thúc đẩy phụ nữ xem xét đến việc ly hôn khi họ phải trải qua những cuộc hôn nhân không hạnh phúc.



Như vậy, Luật HN&GD đã đưa ra những nguyên tắc chung đối với vấn đề HN&GD nói chung và ly hôn nói riêng. Ngoài ra, trong Bộ luật Dân sự (2005), ly hôn cũng được xác định là một trên tổng số 27 quyền được đề cập tới tại Mục 2. *Quyền Nhân thân*, trong đó khẳng định: *Quyền kết hôn: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về HN&GD có quyền tự do kết hôn; Quyền ly hôn: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*. Trong Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em (2004), ly hôn không nhất thiết dẫn đến sự chấm hết trong các mối quan hệ bởi những nghĩa vụ ràng buộc. Thực tiễn ghi nhận, nhiều trường hợp, người sẽ phải đương đầu với nhiều khó khăn về vật chất và tinh thần sau khi ly hôn chính là con trẻ được sinh ra từ hôn nhân, nhất là các con chưa thành niên hoặc tật nguyền và không có khả năng lao động. Việc giải quyết yêu cầu ly hôn và các vấn đề phát sinh sau khi ly hôn cần phải được thực hiện trên cơ sở luật này. Cha mẹ sẽ là những người trước tiên chịu trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, chăm lo chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển về thể chất, tinh thần của trẻ em theo từng lứa tuổi (Điều 24).

#### 4. Kết luận

Thế chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở kế thừa và hoàn thiện, Hiến pháp Việt Nam qua năm lần ban hành đã tạo nên những điều kiện ngày càng thuận lợi cho mỗi người dân phát huy quyền làm chủ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Dưới Hiến pháp, Việt Nam đã bốn lần ban hành Luật HN&GD, là cơ sở và chuẩn mực pháp lý cho việc ứng xử giữa các thành viên gia đình; quy định trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, Nhà nước và xã hội trong việc xây dựng, củng cố chế độ HN&GD.

Luật HN&GD đã thể hiện rõ những tiến bộ trong nhìn nhận và đánh giá xã hội về vấn đề ly hôn; góp phần quan trọng trong việc xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu của xã hội cũ; tôn trọng quyền tự do ly hôn; đề cao sự tự nguyện, thỏa thuận của các bên đương sự. Luật HN&GD ngày càng chú trọng hơn tới yếu tố cá nhân và quyền con người, tới yếu tố gia đình trong bối cảnh gia đình có xu hướng chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang hạt nhân hóa, khuyến khích hòa giải, quy định chi tiết hơn về các điều kiện ly hôn, việc phân chia tài sản, quyền chăm sóc con cái, ly hôn có yếu tố nước ngoài và nhiều vấn đề xã hội khác. Luật đã tạo ra cơ chế pháp lý ngày càng hiệu quả trong việc điều chỉnh các quan hệ HN&GD, vốn có nhiều đặc thù so với các quan hệ dân sự khác, qua đó giúp các bên tiết kiệm thời gian, kinh phí, giảm bớt giai đoạn tố tụng kéo dài, đặc biệt là giải quyết mâu thuẫn, bảo vệ những người yếu thế trong quan hệ HN&GD.

Biến đổi xã hội, quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa đã làm thay đổi căn bản tổ chức gia đình và quan hệ của các cá nhân thành viên. Tầm nhìn 2030, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã và vẫn tác động, tạo nên những biến đổi sâu sắc trên nhiều phương diện, mang cả hàm ý đối với sự bền vững của gia đình. Quá trình đó mở ra cơ hội thuận lợi, song cũng tiềm ẩn không ít thách thức của nguy cơ xung đột các giá trị đạo đức, lối sống truyền thống và hiện đại, xuất hiện tình trạng lỏng lẻo trong mối quan hệ gia đình. Ly hôn dù mang ít nhiều ý nghĩa tích cực trên tinh thần tôn trọng quyền tự do cá nhân và

giải phóng con người, song trên thực tế, đây vẫn là tình huống không mong đợi của quan hệ hôn nhân, là sự tan vỡ, là những tổn thương không dễ gì bù đắp. Vẫn còn rất nhiều vấn đề liên quan đến ly hôn cần được tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu, qua đó hạn chế tác động không mong muốn, bảo vệ giá trị nền tảng của mỗi gia đình, góp phần ổn định và phát triển xã hội.

### Tài liệu tham khảo

- Bành Quốc Tuấn và Nguyễn Thu Thùy. 2014. Pháp luật về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định về ly hôn của tòa án nước ngoài - Một số vấn đề còn tồn tại và giải pháp hoàn thiện. *Tạp chí Luật học*, số 9.
- Bùi Ngọc Thanh. 2012. Hiến pháp năm 1992: Ý nghĩa và giá trị cơ bản. Truy cập từ: <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Xay-dung-nha-nuoc-phap-quyen/2012/15634/Hien-phap-nam-1992-Y-nghia-va-gia-tri-co-ban.aspx>, ngày 17/4/2012.
- Chính phủ. 1946, 1959, 1980, 1992, 2013. Hiến pháp Việt Nam qua các năm.
- Chính phủ. 1950. Sắc lệnh 159/SL, *Quy định về vấn đề ly hôn*, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 17 tháng 11 năm 1950.
- Chính phủ. 1950. Sắc lệnh 97/SL, *Sửa đổi một số quy lệ và chế định, cải cách quyền dân sự*, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 22 tháng 5 năm 1950.
- Chính phủ. 1959, 1986, 2000, 2014. Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam qua các năm.
- Chính phủ. 2004. Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em.
- Chính phủ. 2005. Bộ luật Dân sự.
- Chính phủ. 2012. Quyết định số 629/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 05 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
- Hoàng Thị Kim Quế. 2012. Bảo vệ quyền lợi phụ nữ trong Luật Hồng Đức (Lê Triều hình luật) - Tính tiến bộ, nhân văn và giá trị đương đại. *Tạp chí Khoa học*, ĐHQGHN, Luật học 28 (2012): 199-203.
- Lê Ngọc Văn, Mai Văn Hai, Đặng Thị Hoa, Bùi Thị Hương Trâm. 2016. *Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận Xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Mai Huy Bích. 2005. Gắn lý thuyết với thực nghiệm: trường hợp nghiên cứu về ly hôn. *Tạp chí Xã hội học*, số 2: 96-102.
- Nguyễn Hữu Minh. 2016. Một số vấn đề gia đình Việt Nam sau 30 năm Đổi mới. Trong cuốn *Biến đổi xã hội ở Việt Nam: truyền thống và hiện đại*. Đặng Nguyên Anh chủ biên. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Khắc Cường. 2013. Chế định ly hôn trong Luật Hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay định hướng và giải pháp hoàn thiện. Trang thông tin của Tòa án Nhân dân tối cao. Truy cập từ: [http://hvtv.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/baiviet?p\\_page\\_id=1754190&p\\_cateid=1751909&article\\_details=1&item\\_id=35599992](http://hvtv.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&article_details=1&item_id=35599992).
- Nguyễn Thị Thu Vân. 2005. *Căn cứ ly hôn trong cổ luật Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội.
- Phạm Thị Hồng Đào. 2017. Tính nhân đạo của Bộ luật Hồng Đức với sự hoàn thiện Bộ luật Hình sự năm 2015. Truy cập từ <http://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2112>, đăng ngày 16/03/2017.
- Phan Thị Luyện. 2016. *Nguyên nhân ly hôn của phụ nữ qua nghiên cứu hồ sơ Tòa án nhân dân*. Sách chuyên khảo. Nxb Tư pháp.
- Tổng cục Thống kê. Niên giám thống kê (một số năm). Nxb Thống kê.

- Trần Thị Kim Xuyên. 2001. *Gia đình và những vấn đề của gia đình hiện đại*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
- Trần Thị Minh Thi. 2018. Giá trị gia đình từ tiếp cận lý thuyết và một số vấn đề đặt ra với Việt Nam trong bối cảnh xã hội đang chuyển đổi. Truy cập từ: <https://vass.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UriListProcess=/noidung/tintuc/Lists/KhoaHocCongNghe&ListId=54cce737-f91c-4ee7-a6b7-a640c041b93b&SiteId=37596567-bc8d-47de-878d-a9d5b872324b&ItemID=43&SiteRootID=4c750500-35ba-4ff2-bcd4-8e21529aba05>, đăng ngày 06/6/2018
- Trần Văn Trường. 2017. Những điểm mới trong thủ tục giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. *Tạp chí Toàn án Nhân dân*, số 1.
- Văn Thị Thanh Hương. 2014. Dấu ấn Hồ Chí Minh: từ Hiến pháp 1946 đến Hiến pháp 1959. Truy cập từ: <http://ditichhochiminhphuchutich.gov.vn/ArticleDetail.aspx?articleid=28&sitepageid=423#sthash.11NVIBJp.dpbs>, đăng ngày 07/4/2014.
- Vũ Mạnh Lợi, Trịnh Thị Quang, Nguyễn Hồng Thái. 2007. Quan hệ quyền lực giữa vợ và chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay: Đề tài 2007. Viện Xã hội học. Hà Nội.
- Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy, Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Hồng Thái, Nguyễn Khánh Bích Trâm, Đặng Vũ Hoa Thạch. 2002. Những vấn đề xã hội của gia đình năm 2000, trong cuốn: *Phát triển xã hội ở Việt Nam: Một tổng quan xã hội học năm 2000*, Trịnh Duy Luân chủ biên. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Vũ Thị Phụng. Những bộ cổ luật Việt Nam và một số giá trị đối với đương đại. Truy cập từ: [http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document\\_library/get\\_file?uuid=468d7ba4-020d-45b4-b696-265eba595e57&groupId=13025](http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=468d7ba4-020d-45b4-b696-265eba595e57&groupId=13025).
- Vũ Tuấn Huy. 2006. Những vấn đề của gia đình Việt Nam trong quá trình biến đổi xã hội theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. *Tạp chí Xã hội học*, số 2.